

【考生填寫 / Thí sinh tự ghi】
面試序號 / Số thứ tự phỏng vấn

健行科技大學外籍新生入學
Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiên Hành
Tân Sinh Viên Quốc tế nhập học

115 學年度
外國學生
Sinh Viên Quốc tế Năm học 2026-2027

個人資料告知聲明及切結書

Thông báo thu thập hồ sơ thông tin cá nhân và bản cam kết

申請人請詳閱以下全部內容，
並於每份切結書末處親自簽名。
Người nộp đơn vui lòng đọc kỹ toàn bộ nội dung dưới đây,
và tự tay ký tên vào phần cuối của mỗi bản cam kết.

第一部分 個人資料蒐集告知聲明

Phần 1 Bản thông báo thu thập hồ sơ thông tin cá nhân

1. 健行科技大學基於招生作業、學籍管理、教學輔導、生活照顧、保險辦理、獎助學金作業、就業輔導、校友聯繫、研究分析及其他依法令規定或必要之行政事項等特定目的，將蒐集您所填具之入學申請表、經我國駐外館處認證之相關學歷證明、在學成績單、護照影本、財力證明及其他因本校各項業務執行所需之個人資料。
Trường Đại học Khoa học và Kỹ thuật Kiên Hành (UCH), dựa trên các mục đích cụ thể như: công tác tuyển sinh, quản lý học tích, hướng dẫn giảng dạy, chăm sóc đời sống, làm thủ tục bảo hiểm, xét duyệt học bổng và trợ cấp, tư vấn việc làm, liên lạc cựu sinh viên, nghiên cứu phân tích và các hạng mục hành chính cần thiết khác theo quy định của pháp luật, sẽ thu thập các thông tin cá nhân bao gồm: đơn xin nhập học do bạn điền, các chứng chỉ học vấn liên quan đã được văn phòng kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại nước sở tại công chứng xác thực, bảng điểm học tập, bản sao hộ chiếu, chứng minh tài chính và các dữ liệu cá nhân khác cần thiết cho việc thực hiện các nghiệp vụ của nhà trường.
Để đạt được mục đích thu thập thông tin cá nhân nêu trên, trong suốt thời gian bạn theo học tại trường, Nhà trường sẽ sử dụng thông tin cá nhân của bạn trong phạm vi các nghiệp vụ chuyên môn tại các khu vực liên quan đến công tác quản lý của trường, tuân thủ theo Luật Bảo vệ thông tin cá nhân, các quy định pháp luật liên quan và quy chế của Nhà trường. Các mục đích sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn ở: gửi tài liệu, liên lạc công việc trong trường, làm thủ tục bảo hiểm, quản lý học tích, đăng ký nộp học phí, chọn học phần, sắp xếp ký túc xá, thực hiện khảo sát và phân tích thống kê.
2. 為達成上述蒐集個資之目的，本校於您就學期間，將於校務所及地區依個人資料保護法、相關法令及本校相關法規，於各項業務範圍內利用您的個人資料，包括但不限於：資料寄送、校務聯繫、保險辦理、學籍管理、註冊繳費、課程選修、宿舍配置、調查作業及統計分析等用途。
Đề đạt được mục đích thu thập thông tin cá nhân nêu trên, trong suốt thời gian bạn theo học tại trường, Nhà trường sẽ sử dụng thông tin cá nhân của bạn trong phạm vi các nghiệp vụ chuyên môn tại các khu vực liên quan đến công tác quản lý của trường, tuân thủ theo Luật Bảo vệ thông tin cá nhân, các quy định pháp luật liên quan và quy chế của Nhà trường. Các mục đích sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn ở: gửi tài liệu, liên lạc công việc trong trường, làm thủ tục bảo hiểm, quản lý học tích, đăng ký nộp học phí, chọn học phần, sắp xếp ký túc xá, thực hiện khảo sát và phân tích thống kê.
3. 您的個人資料於非在校期間將繼續保存於學校，作為學籍資料管理及校友聯繫、調查分析之用。除法令另有規定外，本校不會將您的個人資料於上述蒐集之目的外提供第三人或作其他之利用。
Thông tin cá nhân của bạn sẽ tiếp tục được lưu trữ tại trường sau khi tốt nghiệp để quản lý hồ sơ sinh viên, liên lạc cựu sinh viên và thực hiện các phân tích, khảo sát. Ngoại trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, nhà trường sẽ không cung cấp thông tin cá nhân của bạn cho bên thứ ba hoặc sử dụng vào mục đích khác ngoài các mục đích thu thập nêu trên.
4. 基於校友聯繫、就業輔導、協助工作推動之目的，您得自行提供及維護離校後個人資料之正確性，由本校保有、更新相關資料，並僅供前述目的之利用。
Nhằm mục đích liên lạc cựu sinh viên, tư vấn việc làm và hỗ trợ đẩy mạnh công tác của trường, bạn có thể tự nguyện cung cấp và duy trì tính chính xác của thông tin cá nhân sau khi ra trường. Nhà trường sẽ lưu giữ, cập nhật các thông tin liên quan và chỉ sử dụng cho các mục đích nêu trên.
5. 您就個人資料得依個人資料保護法第三條規定，向本校國際合作處行使下列權力：
(1)請求查詢或閱覽；(2)請求製給複製本；(3)請求補充或更正；(4)請求停止蒐集、處理或使用；(5)請求刪除。惟如符合法定例外事由，本校得依法拒絕您的權力行使。
Theo Điều 3 của Luật Bảo vệ thông tin cá nhân, bạn có quyền liên hệ với Văn phòng Hợp tác Quốc tế của trường để thực hiện các quyền sau:
(1) Yêu cầu tra cứu hoặc xem thông tin; (2) Yêu cầu cấp bản sao; (3) Yêu cầu bổ sung hoặc chỉnh sửa; (4) Yêu cầu dừng thu thập, xử lý hoặc sử dụng; (5) Yêu cầu xóa bỏ. Tuy nhiên, nếu thuộc các trường hợp ngoại lệ theo luật định, nhà trường có quyền từ chối yêu cầu của bạn theo quy định của pháp luật.
6. 如您選擇不予提供相關個人資料，將影響本校各項業務之進行及後續服務，可能有損您的權益，相關責任由您自行承擔。
Nếu bạn lựa chọn không cung cấp các thông tin cá nhân liên quan, việc này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ nghiệp vụ của các phòng ban khác trong trường và các vấn đề khác về sau này, có thể gây tổn hại đến quyền lợi của bạn và bạn sẽ phải tự chịu trách nhiệm liên quan.
7. 如將來本校需於本聲明告知之蒐集特定目的外利用您的個人資料時，除法令另有規定外，將依法先行取得您的書面同意。
Trong tương lai, nếu nhà trường cần sử dụng thông tin cá nhân của bạn ngoài các mục đích cụ thể đã thông báo

trong bản thông báo này, nhà trường sẽ lấy sự đồng ý bằng văn bản của bạn trước khi thực hiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. 本校已建立完善之個人資料保護機制及資訊安全管理措施，以確保您的個人資料安全。如有任何疑問或申訴，請聯繫本校國際合作處（電話：+886-3-4581196 分機 6201、6202、6203、6242；E-mail：ico@uch.edu.tw、cyuico@gmail.com）

Nhà trường đã thiết lập cơ chế bảo vệ thông tin cá nhân và các biện pháp quản lý an toàn thông tin hoàn thiện để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn. Nếu có bất kỳ thắc mắc hoặc khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với Văn phòng Hợp tác Quốc tế (Điện thoại: +886-3-4581196 máy lẻ 6201, 6202, 6203, 6242; Email: ico@uch.edu.tw, cyuico@gmail.com).

本人已詳細閱讀並充分瞭解上述告知聲明之內容，同意本校於前述目的範圍內，蒐集、處理、國際傳遞及利用本人之個人資料。

Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung của bản thông báo nêu trên, đồng thời đồng ý cho Nhà trường tiến hành thu thập, xử lý, truyền dữ liệu quốc tế và sử dụng thông tin cá nhân của tôi trong phạm vi các mục đích đã đề cập.

申請人簽名 /Người nộp đơn kí tên：

護照號碼 /Số hộ chiếu：

日期 / Ngày (Năm/ tháng/ ngày)：

本人已確實瞭解本聲明書所提之內容
Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung của bản thông báo

第二部分 申請入學重要資訊確認書

Phần 2 Xác nhận thông tin quan trọng khi đăng kí

一、報名項目確認

I. Xác nhận các hạng mục đăng kí

1. 申請系所 / Chuyên ngành đăng kí :

【電資學院 / Viện Kỹ thuật Điện tử và Khoa học Máy tính】

- 電機工程系 / Khoa Kỹ thuật Điện cơ
- 資訊工程系 / Khoa Công nghệ Thông tin

【工程學院 / Viện Kỹ thuật Công trình】

- 機械工程系 / Khoa Kỹ thuật Cơ khí
- 土木工程系 / Khoa Kỹ thuật Xây dựng
- 車輛工程系 / Khoa Kỹ thuật Ô tô

【商管學院 / Viện Quản lý và Kinh doanh】

- 工業管理系 / Khoa Quản lý Công nghiệp
- 企業管理系 / Khoa Quản trị Kinh doanh
- 資訊管理系 / Khoa Quản lý Thông tin
- 行銷與流通管理系 / Khoa Quản trị Marketing và Kênh phân phối
- 行銷與流通管理系(運動行銷組) / Khoa Quản trị Marketing và Kênh phân phối(Ngành Marketing thể thao)
- 財務金融系 / Khoa Tài chính Ngân hàng
- 財務金融系(投資理財組) / Khoa Tài chính Ngân hàng, Ngành Đầu tư Tài Chính
- 財務金融系(金融管理組) / Khoa Tài chính Ngân hàng, Ngành Quản lý Tài chính

【民生與設計學院 / Viện Thiết kế và Quản lý dân sinh】

- 國際企業經營系 / Khoa Quản trị Kinh doanh Quốc tế
- 國際企業經營系(航空行銷組) / Khoa Quản trị Kinh doanh Quốc tế , Ngành Marketing Dịch vụ Hàng không
- 國際企業經營系(觀光休閒組) / Khoa Quản trị Kinh doanh Quốc tế , Ngành Marketing Du lịch và Quản lý
- 餐旅管理系 / Khoa Quản trị Nhà hàng- Khách sạn
- 室內設計與管理系 / Khoa Quản lý và Thiết kế nội thất
- 數位多媒體設計系 / Khoa Thiết kế Mỹ thuật Đa phương tiện

- 應用外語系(英語組)/ Khoa Ngoại ngữ Ứng dụng, Ngành ngôn ngữ Anh
- 應用外語系(日韓語組)/ Khoa Ngoại ngữ Ứng dụng, Ngành ngôn ngữ Nhật- Hàn

2. 您如何取得本校招生資訊？

Bạn biết được thông tin tuyển sinh của Trường từ những nguồn nào?

- 華語中心 留學機構 語言中心
- 姊妹校 高中 本校招生網頁
- 本校社群媒體 本校畢業校友 親朋好友
- 其他，請說明 _____
- Trung tâm Tiếng Hoa Trung tâm du học Trung tâm ngôn ngữ
- Trường liên kết Trường cấp 3
- Trang web tuyển sinh của Trường Nền tảng mạng xã hội của Trường
- Cựu sinh viên của trường Người thân và bạn bè
- Khác, vui lòng ghi rõ: _____

3. 您是否考過華測？

Bạn đã thi chứng chỉ Tiếng Hoa chưa (TOCFL)?

- 否 / Chưa thi
- 是，請註明華測等級 / Đã thi, cấp độ TOCFL level _____

4. 您是否透過華語中心或留學中心或代辦機構報名？

Bạn có nhờ qua Trung tâm Tiếng Hoa hoặc Trung tâm Du học hoặc đơn vị đại diện làm hồ sơ báo danh giúp không?

- 華語中心，它的名稱是 / Trung tâm Tiếng Hoa, vui lòng ghi rõ tên Trung tâm:

- 語言中心，它的名稱是 / Trung tâm Ngôn ngữ, vui lòng ghi rõ tên Trung tâm:

- 留學機構，它的名稱是 / Công ty Du học, vui lòng ghi rõ tên Công ty:

- 姊妹校，它的名稱是 / Trường liên kết, vui lòng ghi rõ tên Trường:

- 高中，它的名稱是 / Trường cấp 3, vui lòng ghi rõ tên Trường:

- 本校畢業校友，他的名字是 / Cựu sinh viên của Trường, vui lòng ghi rõ họ tên của người đó:

- 親朋好友，他的名字是 / Người thân, bạn bè, vui lòng ghi rõ họ tên của người đó:

其他，請說明：/Khác, vui lòng ghi rõ _____

5. 是誰幫您支付在台灣讀書期間的學雜費用？

Ai là người chi trả học phí trong suốt thời gian bạn theo học tại Đài Loan?

家人 Gia đình 本人 Bản thân

其他，請說明：/Khác, vui lòng ghi rõ: _____

二、修業規定

II. Quy định thời gian học

1. 本人瞭解日間部四技一般外籍生於修業期間，得以通過華語文能力測驗（TOCFL）「進階級」（B1）作為外語畢業門檻之認定。

Tôi hiểu rằng sinh viên quốc tế theo học chương trình hệ chính quy 4 năm, cần đạt chứng chỉ năng lực Hoa Ngữ (TOCFL) "Trình độ nâng cao" (B1) như một điều kiện ngoại ngữ để tốt nghiệp.

三、甄選方式及錄取標準

III. Cách thức tuyển chọn và tiêu chuẩn trúng tuyển

1. 甄選流程採兩階段，通過第一階段初試（書面審查）者才能進入第二階段複試（面試）階段。Quy trình tuyển chọn bao gồm hai giai đoạn, thí sinh phải vượt qua vòng sơ tuyển giai đoạn một (xét duyệt hồ sơ) mới có thể bước vào vòng thi tuyển giai đoạn hai (giai đoạn phỏng vấn).

2. 第二階段複試項目中，通過第一階段初試之學生須親自參加面試，未參加第二階段複試項目之面試者，不予錄取。

Trong các hạng mục của vòng thi tuyển giai đoạn hai, học sinh đã vượt qua vòng sơ tuyển giai đoạn một bắt buộc phải đến tham gia phỏng vấn. Những trường hợp không tham gia phỏng vấn sẽ không được trúng tuyển.

3. 錄取標準：華語相關證照佔 30%、留學計畫 20%、申請資料（入學申請表、學歷證明文件、最高學歷在學成績單、其他各系所另定應附繳之文件）30%、面試成績佔 20%。Tiêu chuẩn trúng tuyển: Chứng chỉ năng lực Hoa Ngữ chiếm 30%, kế hoạch học tập chiếm 20%, giấy tờ báo danh (đơn xin nhập học, bằng tốt nghiệp, bằng điểm (học bạ) của học lực cao nhất và các giấy tờ khác tùy vào khoa yêu cầu) chiếm 30%, điểm phỏng vấn chiếm 20%.

四、其他申請注意事項

IV. Những hạng mục khác cần chú ý

1. 申請以一系為限，申請人應注意申請資格。Đăng kí 01 chuyên ngành, thí sinh cần chú ý về tư cách báo danh của mình.

2. 為避免權益受損，入學申請表所填寫之資料應清楚無誤，否則因此無法通知而延誤時間或其他相關聯絡事項，其後果由學生自行負責。Tránh ảnh hưởng đến quyền lợi của mình, toàn bộ thông tin được điền trong đơn xin nhập học phải ghi rõ ràng và chính xác. Nếu không, nhà trường không thể thông báo dẫn đến việc chậm trễ thời gian hoặc các vấn đề liên lạc liên quan khác, học sinh phải tự chịu trách nhiệm về hậu quả đó.

3. 報名所填之各項資料及繳交證明文件，若與事實不符者，則取消其錄取及入學資格；入學後始被發現者，則依本校學則開除其學籍，亦不發給任何學歷證明；如將來在本校畢業後始發現者，除勒令繳銷其學位證書外，並公告取消其畢業資格。

Các thông tin khai báo và giấy tờ chứng minh nộp lúc đăng ký nếu không đúng với sự thật sẽ bị hủy tư cách trúng tuyển và nhập học; nếu bị phát hiện sau khi đã nhập học sẽ bị hủy bỏ tư cách sinh viên theo Quy chế học vụ của nhà trường, đồng thời không cấp bất kỳ văn bản chứng minh học vấn nào; nếu bị phát hiện sau khi đã

tốt nghiệp sẽ bị buộc nộp lại và hủy bỏ bằng tốt nghiệp, đồng thời công bố hủy tư cách tốt nghiệp.

4. 請申請人詳閱招生簡章，了解各項重要日程及甄選作業方式。各項試務相關訊息將公告於本校國際合作處網站，申請人務必注意各項試務時程，並自行上網查看公告各項相關訊息，本校不另寄發通知，申請生未及時確認致權益受損，概由申請生自行負責。

Người nộp đơn vui lòng đọc kỹ Cẩm nang tuyển sinh để nắm rõ các mốc thời gian quan trọng và phương thức tuyển chọn. Các thông tin liên quan sẽ được công bố trên trang web của Phòng Hợp tác Quốc tế của Nhà trường. Người nộp đơn bắt buộc phải lưu ý lịch trình quan trọng và tự lên mạng kiểm tra các thông tin công bố liên quan, Nhà trường sẽ không gửi thông báo riêng; nếu học sinh không kịp thời xác nhận dẫn đến quyền lợi bị tổn hại, học sinh đó phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5. 獲准入學之學士班外國學生，到校時若已逾該學年度第一學期三分之一時程者，當年度不得入學。

Sinh viên quốc tế hệ Đại học khi được phê duyệt nhập học, nếu thời điểm đến trường đã quá một 1/3 thời gian của học kỳ một trong năm học đó, thì không được nhập học vào năm học đó nữa.

五、聲明

V. Cam đoan

本人謹此聲明，所有報名資料均為申請人本人親自填寫，並未委託任何法人、團體或自然人辦理。本人所提供之資料均屬完整與真實，本人了解，如有故意虛報資料或隱瞞重要事實，健行科技大學具有取消本人入學資格之權利。

Tôi xin cam đoan rằng, mọi thông tin đăng ký đều do chính bản thân tôi tự tay điền và không ủy quyền cho bất kỳ pháp nhân, đoàn thể hay cá nhân nào khác thực hiện. Các tài liệu tôi cung cấp đều hoàn toàn đầy đủ và chân thực. Tôi hiểu rằng, nếu có hành vi cố tình khai báo gian lận hoặc che giấu các sự thật quan trọng, Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiên Hành (UCH) có toàn quyền hủy bỏ tư cách nhập học của tôi.

申請人簽名 / Người nộp đơn kí tên :

護照號碼 / Số hộ chiếu :

日期 / Ngày (Năm / tháng / ngày) :

第三部分 外國學生切結書

Phần 3 Bản cam kết Sinh viên Quốc tế

一、本人申請身分勾選如下，並保證符合貴校「外國學生招生規定」之規定。除下列第一項資格外，其餘身分保證於註冊時繳交中華民國入出國及移民署之入出國時間證明備查（連續居留海外六年以上，每歷年在臺灣地區停留期間不得逾 120 日，具相關證明文件者除外）。

Tôi xin tích chọn tư cách đăng ký như bên dưới, đồng thời bảo đảm phù hợp với "Quy định tuyển sinh sinh viên nước ngoài" của Nhà trường. Ngoại trừ tư cách ở hạng mục đầu tiên dưới đây, các tư cách còn lại đều bảo đảm sẽ nộp Giấy chứng nhận thời gian xuất nhập cảnh của Cục Di dân và Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Nội chính Trung Hoa Dân Quốc vào lúc đăng ký nhập học để đối chiếu và kiểm tra (Cư trú liên tục ở nước ngoài từ 6 năm trở lên, thời gian lưu trú tại khu vực Đài Loan của mỗi năm (theo lịch dương) không được quá 120 ngày, ngoại trừ trường hợp có các văn bản chứng minh liên quan).

從未具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。

Chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, tại thời điểm nộp đơn không có tư cách kiều sinh.

兼具有中華民國國籍且自始未曾在臺設籍。

Đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc và từ trước đến nay chưa từng đăng ký hộ tịch tại Đài Loan.

曾兼具有中華民國國籍，且經內政部許可喪失放棄國籍至今已達 8 年（需提供放棄國籍證明文件）。

Từng đồng thời có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, và đã được Bộ Nội chính cho phép thôi/mất quốc tịch tính đến nay đã đủ 8 năm (cần cung cấp văn bản chứng minh từ bỏ quốc tịch).

兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍。

Đồng thời có tư cách cư trú vĩnh viễn tại Hồng Kông hoặc Ma-cao, và chưa từng có hộ tịch tại Đài Loan.

曾為大陸地區人民且未曾在臺設有戶籍。

Từng là người dân thuộc khu vực Đại Lục và chưa từng có hộ tịch tại Đài Loan.

二、本人所提供之學歷證明文件（申請大學部者提出相當中華民國高中畢業之證書），在畢業學校所在國家均為合法有效取得畢業資格，且所持之證件相當於中華民國國內各級合法學校。本人保證於註冊時繳交學歷證件正本供學校查驗（畢業證書及歷年成績單）。

Các văn bản chứng minh học vấn tôi cung cấp (người đăng ký bậc Đại học nộp bằng tốt nghiệp tương đương với bậc Trung học phổ thông của Trung Hoa Dân Quốc) đều được cấp một cách hợp pháp và có hiệu lực để có tư cách tốt nghiệp tại quốc gia của trường sở tại, đồng thời văn bằng sở hữu có giá trị tương đương với các trường học hợp pháp các cấp tại quốc gia Trung Hoa Dân Quốc. Tôi bảo đảm sẽ nộp bản gốc của các văn bằng học vấn (Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm các năm) vào lúc đăng ký nhập học để nhà trường đối chiếu và kiểm tra.

三、本人未曾在臺以外國學生或僑生身分就學，亦未曾因操行、學業成績不及格或犯刑事案件經判刑確定致遭中華民國國內大專院校退學或喪失學籍。

Tôi chưa từng theo học tại Đài Loan dưới tư cách là học sinh nước ngoài hoặc kiều sinh, cũng chưa từng bị đuổi học hoặc xóa tư cách sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng trong nước thuộc Trung Hoa Dân Quốc do hạnh kiểm, thành tích học tập không đạt hoặc do vi phạm án hình sự đã có phán quyết định tội chính thức.

四、上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或違反中華民國教育部外國學生來臺就學辦法之事項等情事屬實者，本人願依貴校相關規定處理，絕無異議。並同意貴校得於法令規定許可範圍內蒐集、處理、國際傳遞及利用本人個人資料。

Tôi đồng ý ủy quyền cho quý trường xác thực bất kỳ điều khoản nào đã nêu ở trên. Nếu có bất kỳ sự thật nào không đúng hoặc vi phạm quy định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan học tập của Bộ Giáo dục Trung Hoa Dân Quốc, tôi xin cam chịu xử lý theo các quy định liên quan của quý trường và tuyệt đối không có ý kiến gì. Đồng thời, tôi đồng ý quý trường được phép thu thập, xử lý, truyền tải quốc tế và sử dụng dữ liệu cá nhân của tôi trong phạm vi pháp luật cho phép.

本人已詳細閱讀並同意上述說明內容，並確認提供正確詳實之個人資料。

Tôi đã đọc kỹ và đồng ý với nội dung được nêu trên, và xác nhận các thông tin cá nhân được cung cấp hoàn toàn chính xác.

申請人簽名 / Người nộp đơn kí tên :

護照號碼 / Số hộ chiếu :

日期 / Ngày (Năm/ tháng/ ngày) :

本人已確實瞭解本切結書所提之內容

Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung của bản cam kết này

第四部分 外國學生申請人在臺就學檢核表及切結書

Phần 4 Sinh viên Quốc tế đăng kí nhập học

Bản cam kết và bảng đối chiếu

一、外國學生申請人是否曾以僑生身分在臺就學檢核表

I. Bảng đối chiếu sinh viên nước ngoài có phải đã từng lấy tư cách sinh viên Hoa Kiều nhập học

依據「外國學生來臺就業辦法」第 2 條規定，外國學生須未曾以僑生身分在臺就學。為確認您的外國學生身分，請確實填寫以下問題，謝謝！

Căn cứ theo quy định tại Điều 2 của "Qui định dành cho sinh viên nước ngoài đến Đài Loan học tập", sinh viên nước ngoài phải là người chưa từng học tập tại Đài Loan dưới tư cách là sinh viên Hoa Kiều. Để xác nhận tư cách học sinh nước ngoài của bạn, vui lòng điền đầy đủ và chính xác các câu hỏi dưới đây. Xin cảm ơn!

1. 請問您是否有親戚在台灣？

Bạn có người thân ở Đài Loan?

是 / Có 否 / Không 不確定 / Không chắc chắn

2. 請問您是否曾經來過台灣？（若填寫「否」，則無需回答以下問題）

Bạn đã từng đến Đài Loan? (Nếu tick vào ô 「Không」 thì không cần trả lời các câu hỏi tiếp theo)

是 / Có 否 / Không

3. 請問您是否曾經來臺就學過？

Bạn đã từng đến Đài Loan du học?

是 / Có 否 / Không

4. 請問您是否曾以僑生身分在臺就學？

Bạn đã từng lấy tư cách Kiều sinh đến Đài Loan du học?

是 / Có 否 / Không 不確定 / Không chắc chắn

5. 請問您是否曾經由海外聯合招生委員會分發？

Bạn đã từng đến Đài Loan du học thông qua Ủy ban tuyển sinh Hải ngoại phân phát?

是 / Có 否 / Không 不確定 / Không chắc chắn

6. 請問您是否曾經由各校以自行（單獨）招收僑生管道入學？

Bạn đã từng đến Đài Loan du học thông qua phương thức tuyển sinh Kiều Sinh của Trường?

是 / Có 否 / Không 不確定 / Không chắc chắn

7. 請問您本學年度是否向海外聯合招生委員會申請來臺就學？

Trong năm học này, bạn đã từng nộp đơn thông qua Ủy ban tuyển sinh Hải ngoại đến Đài Loan du học?

是 / Có 否 / Không

填表說明：若您於第 2 題或第 3 題或第 4 題填寫「否」之選項，請填寫下列切結書。

Lưu ý điền bảng: Nếu bạn chọn "Không" ở câu 2, câu 3 hoặc câu 4, xin vui lòng hoàn thành bản cam kết phía dưới.

二、切結書

II. Bản cam kết

本人確認未曾以僑生身分在臺就學，倘經僑務主管機關查證具僑生身分，則由錄取學校撤銷原錄取資格，本人絕無異議。

Tôi xin xác nhận chưa từng học tập tại Đài Loan dưới tư cách là sinh viên Hoa Kiều. Nếu cơ quan chủ quản Kiều vụ kiểm tra, xác minh phát hiện tôi có tư cách kiều sinh, trường trúng tuyển sẽ hủy bỏ tư cách trúng tuyển ban đầu của tôi, tôi hoàn toàn không có ý kiến gì.

此致 / Kính gửi :

健行科技大學 / Đại học Khoa học Kỹ thuật Kiên Hành

立切結書人 / Người nộp đơn kí tên :

護照號碼 / Số hộ chiếu :

日期 / Ngày (Năm/tháng/ngày) :

本人已確實瞭解本切結書所提之內容
Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung của bản cam kết này

第五部分 入學文件驗證切結書

Phần 5 Bản cam kết xác minh hồ sơ nhập học

學生 _____ 保證在報到註冊前，繳齊下列文件，以完備入學學歷證件。

Sinh viên _____ cam kết sẽ nộp đầy đủ các giấy tờ sau đây trước khi báo danh và đăng ký nhập học, nhằm hoàn tất hồ sơ văn bằng học lực cần thiết cho việc nhập học.

應繳資料：/ Hồ sơ cần nộp:

保證繳交文件 / Giấy tờ cần nộp

國外最高學歷證書正本一份 (若原證書或文憑非中文或英文，須另附經機構驗證之中文或英文譯本)
01 bản gốc văn bằng tốt nghiệp của bậc học cao nhất ở nước ngoài (Nếu văn bằng không phải là tiếng Trung/Anh, thì phải có bản dịch tiếng Trung/Anh và được hợp pháp hóa lãnh sự bởi Văn phòng đại diện Đài Loan tại nước ngoài).

國外最高學歷歷年成績單正本一份 (若原成績單非中文或英文，須另附經機構驗證之中文或英文譯本)
01 bản gốc Học bạ/Bảng điểm của bậc học cao nhất ở nước ngoài (Nếu học bạ không phải là tiếng Trung/Anh, thì phải có bản dịch tiếng Trung/Anh và được hợp pháp hóa lãnh sự bởi Văn phòng đại diện Đài Loan tại nước ngoài).

若為應屆畢業生，在報到註冊前仍無法提供最高學歷畢業證書及成績單正本者，應以臨時畢業證明書暫代之，且本人在此鄭重承諾，將於 2027 年 3 月 31 日 親自或委託代理人將最高學歷畢業證書及成績單正本補繳至貴校相關單位，若遲前述日期，本人同意貴校得撤銷錄取資格、取消入學資格、不予註冊或依規定註銷學籍，本人絕無異議。(※中英文以外之語文，應附經驗證之中文或英文譯本)

Nếu là học sinh tốt nghiệp trong năm nay, nhưng trước khi đến đăng ký nhập học vẫn chưa thể cung cấp bản chính bằng tốt nghiệp và bảng điểm của văn bằng học lực cao nhất, thì phải tạm thời nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời để thay thế. Tôi xin trân trọng cam kết rằng, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3 năm 2027, tôi sẽ trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện nộp bổ sung bản chính bằng tốt nghiệp và bảng điểm của văn bằng học lực cao nhất cho đơn vị liên quan của Quý trường. Nếu quá thời hạn nêu trên mà tôi chưa nộp bổ sung đầy đủ, tôi đồng ý để Quý trường thu hồi tư cách trúng tuyển, hủy tư cách nhập học, không cho đăng ký nhập học hoặc hủy tư cách sinh viên theo quy định, và tôi hoàn toàn không có bất kỳ khiếu nại hay ý kiến phản đối nào. (Giấy tờ bằng ngôn ngữ ngoài tiếng Trung và tiếng Anh phải có bản dịch tiếng Trung hoặc tiếng Anh đã qua công chứng/hợp pháp hóa.)

立切結書人 / Người nộp đơn kí tên :

護照號碼 / Số hộ chiếu :

日期 / Ngày (Năm/tháng/ngày) :

本人已確實瞭解本切結書所提之內容
Tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ toàn bộ nội dung của bản cam kết này